UBND PHƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Số: 12/QĐ-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*P. Lý Thường Kiệt, ngày 15 tháng 4 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Lý Thường Kiệt**

## CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Lý Thường Kiệt về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí NSNN Quý I năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Lý Thường Kiệt ngày 30/03/2026.

Xét đề nghị của Chuyên viên phụ trách kế toán Văn phòng HĐND và UBND phường Lý Thường Kiệt.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 (từ tháng 01/01/2026 đến 31/03/2026), của Văn phòng HĐND và UBND phường Lý Thường Kiệt *(theo mẫu biểu đính kèm)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chuyên viên phụ trách kế toán Văn phòng HĐND-UBND và các công chức trực thuộc Văn phòng HĐND-UBND, Lãnh đạo, chuyên viên Phòng KT, HT và ĐT phường tổ chức thực hiện quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Điều 3;
- Lưu :VT.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
P. LÝ THƯỜNG KIỆT - T. NINH BÌNH

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT** *Biểu số 75*
**Chương:830**

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)

*(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-VP ngày 15/04/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Lý Thường Kiệt)*

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND phường công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện 3 tháng/năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3,00 | 4,00 | 5 | 6 |
| **I** | **Số thu, chi sự nghiệp** | | | | |
| **1** | **Thu sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | | | | |
| | - Học phí | | | | |
| | - Thu dịch vụ khác | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | | | | |
| | - Học phí | | | | |
| | - Thu dịch vụ khác | | | | |
| **II** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **20.526,285** | **2.020,14** | **9,84%** | |
| **1** | **Quản lý hành chính (340-341)** | **9.603,440** | **1.382,109** | **14,39%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | Trong đó: Kinh phí tiền thưởng | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 9.603,440 | 1.382,109 | 14,39% | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Trong đó: Kinh phí tiền thưởng | 232,000 | - | 0,00% | |
| **2** | **Sự nghiệp giáo dục, đào tạo** | **-** | **-** | **0,00%** | |
| a) | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | Trong đó: Kinh phí tiền thưởng | | | | |
| b) | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| **3** | **Sự nghiệp khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số** | | | | |
| a) | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | | | | |
| b) | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | | | | |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo | | | | |
| | - Nhiệm vụ chuyển đổi số | | | | |
| **4** | **Sự nghiệp kinh tế (280)** | **5.131,104** | **105,642** | **2,06%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 5.131,104 | 105,642 | 2,06% | |
| | +Nông nghiệp và DVNN (281) | 312,292 | 34,200 | 10,95% | |
| | +Thuỷ lợi và các hoạt động liên quan (283) | 250,000 | - | 0,00% | |
| | +Giao thông vận tải đường bộ (292) | 350,000 | - | 0,00% | |
| | +Chi sự nghiệp thị chính (312) | 3.542,561 | 71,442 | 2,02% | |
| | +Công tác địa chính (332) | 303,530 | - | 0,00% | |
| | + Lâm nghiệp (282) | 372,721 | - | 0,00% | |
| **5** | **Sự nghiệp bảo vệ môi trường(250-278)** | **3.000,000** | | **0,00%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 3.000,000 | - | 0,00% | |
| **6** | **Chi đảm bảo xã hội (370-398)** | **311,141** | | **0,00%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 311,141 | - | 0,00% | |
| **7** | **Chi quốc phòng (010-011)** | **821,600** | **233,225** | **28,39%** | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 821,600 | 233,225 | 28,39% | |
| | Trong đó: Kinh phí tiền thưởng | 19,000 | - | 0,00% | |
| **8** | **Chi ANTT (040-041)** | **1.256,000** | **299,166** | **23,82%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 1.256,000 | 299,166 | 23,82% | |
| **9** | **Chi sự nghiệp VHTT (160-161)** | **398,800** | **-** | **0,00%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 398,800 | - | 0,00% | |
| **10** | **Chi sự nghiệp truyền thanh (190-191)** | **4,200** | **-** | **0,00%** | |
| | - Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | | | | |
| | - Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 4,200 | - | 0,00% | |

*Phường Lý Thường Kiệt, ngày 15 tháng 4 năm 2026*

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
P. LÝ THƯỜNG KIỆT - T. NINH BÌNH

**Nguyễn Mạnh Tuấn**